TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Thoa

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Gia Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994; căn cước công dân số: 031194013456; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1990; căn cước công dân số: 031090008769; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh T1 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng số 55/2015 ngày 18/11/2015. Sau ngày cưới hai bên về chung sống tại phường A. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, vui vẻ với nhau được đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng

quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T1 chơi bời, nợ lần không chịu làm ăn, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng nghiêm trọng. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và căng thẳng hơn. Hiện hai bên sống ly thân không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Do tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng hai bên không thể khắc phục đoàn tụ, hôn nhân không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh T1 có 02 con chung Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/6/2016; Nguyễn Minh D, sinh ngày 18/5/2020. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Minh T2 cho chị nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh D cho anh T1 nuôi dưỡng sau ly hôn. Hiện tại chị có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T1: Anh T1 đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa án giải quyết việc chị Nguyễn Thị Thanh X ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, tài sản chung nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, không có lời khai gửi Tòa án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T1. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/6/2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh D, sinh ngày 18/5/2020 cho anh Nguyễn Thanh T1 nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Thanh T1 có nơi cư trú: Phường A, thành phố Hải Phòng, chị T và anh T1 lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường A (trước đây là xã N, huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 18/11/2015. Đây là

vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị T, anh T1 vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Anh T1 không có quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị T, vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T1.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh T1 có 02 con chung Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/6/2016; Nguyễn Minh D, sinh ngày 18/5/2020. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, chị T đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Minh T2 cho chị T nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh D cho anh T1 nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 không có quan điểm về nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, tài liệu xác minh chị T và anh T1 đều có việc làm, thu nhập điều kiện nuôi dưỡng con chung là ngang nhau, nguyện vọng con chung Nguyễn Minh T2 muốn ở với chị T, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, giao con chung Nguyễn Minh T2 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giao cho anh Nguyễn Thanh T1 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh D sau ly hôn là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh Nguyễn Thanh T1 không có quan điểm về tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh T1 có 02 con chung Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/6/2016; Nguyễn Minh D, sinh ngày 18/5/2020. Giao con chung Nguyễn Minh T2 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh D cho anh Nguyễn Thanh T1 nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp (biên lai thu tiền số 0008726 ngày 26 tháng 12 năm 2025) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2- Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND phường An Dương TP. Hải Phòng (trước đây là UBND xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng, ĐKKH số 55/2015);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC TRƯỜNG THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**